



PHẠM VĂN TUYẾN (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGÔ THỊ HƯỜNG – NGUYỄN DUY KHUÊ
NGUYỄN THỊ MỸ – NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

Mĩ thuật

7

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHẠM VĂN TUYẾN (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGÔ THỊ HƯỜNG – NGUYỄN DUY KHUÊ
NGUYỄN THỊ MỸ – NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

Mĩ thuật



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



LỜI NÓI ĐẦU

Mĩ thuật 7 – Sách giáo viên bộ sách Cánh Diều là tài liệu dùng cho giáo viên và các nhà quản lý trong việc thực hiện dạy học mỹ thuật theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Cuốn sách gồm có ba phần:

Phần 1: Nội dung cơ bản trong Chương trình môn Mỹ thuật lớp 7

Giáo viên có thể nắm bắt và phân tích những đóng góp của môn Mỹ thuật với việc hình thành phẩm chất, năng lực cho học sinh. Các tác giả cũng mô tả ma trận mạch nội dung được thực hiện trong cuốn sách giáo khoa Mỹ thuật 7, bộ sách Cánh Diều để giáo viên nắm rõ ý tưởng của sách.

Phần 2: Gợi ý phương pháp, kĩ thuật dạy học và kiểm tra, đánh giá

Cung cấp cho thầy giáo, cô giáo cách tiếp cận lĩnh vực khoa học giáo dục một cách hiệu quả, đặc biệt là việc kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Phần 3: Hướng dẫn tổ chức dạy học theo sách giáo khoa Mỹ thuật 7

Đây là nội dung có ý nghĩa thực tế nhất đối với giáo viên. Cuốn sách được biên soạn theo hướng cụ thể hoá các bài dạy trong sách giáo khoa Mỹ thuật 7. Nội dung các bài cung cấp câu trả lời cho những câu hỏi trong sách giáo khoa và cung cấp thêm quy trình thực hành để giáo viên lựa chọn cho bài dạy phong phú hơn. Bộ cục các bài trong tự mô hình giáo án dành cho giáo viên thông qua các hoạt động dạy – học và một số giáo án minh hoạ theo quy định hiện hành.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tiếp thu những ý kiến góp ý của các chuyên gia khoa học giáo dục; trao đổi cùng các giáo viên phổ thông về những vấn đề thực tiễn trong dạy học mỹ thuật nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những góp ý quý báu từ các chuyên gia, quý thầy giáo, cô giáo,... để nội dung sách hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nhóm tác giả

PHẦN 1

NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CHƯƠNG TRÌNH MÔN MĨ THUẬT LỚP 7

I. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Mục tiêu Chương trình môn Mĩ thuật¹

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Mĩ thuật giúp học sinh (HS) hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật dựa trên kiến thức và kĩ năng mĩ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mĩ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; có ý thức trân trọng di sản văn hoá, nghệ thuật và khả năng ứng dụng kiến thức, kĩ năng mĩ thuật vào đời sống; có hiểu biết tổng quát về ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và khả năng định hướng được nghề nghiệp cho bản thân; trải nghiệm và khám phá mĩ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2. Mục tiêu cấp trung học cơ sở

Môn Mĩ thuật giúp HS tiếp tục hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật dựa trên nền tảng kiến thức, kĩ năng mĩ thuật ở cấp tiểu học, thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm; phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; có ý thức kế thừa, phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mĩ của thời đại, làm nền tảng cho việc phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; có hiểu biết về mối quan hệ giữa mĩ thuật với đời sống, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ và tình yêu nghệ thuật, phát triển năng lực tự chủ và tự học, có ý thức định hướng nghề nghiệp sau khi kết thúc cấp học.

Với cấp học này, chương trình vừa cung cấp kiến thức khoa học cơ bản về mĩ thuật lại vừa tạo sân chơi nghệ thuật cho HS. Lên cấp trung học cơ sở, nhìn chung các môn học đã bắt đầu trở về hình dạng cơ bản của lĩnh vực ngành nghề và bắt đầu tách ra thành các mảng kiến thức riêng biệt. Đây là giai đoạn quan trọng trong việc hình thành, phát triển trí tuệ và nhân cách của HS. Sự hỗ trợ qua lại giữa mĩ thuật với các môn học khác là rất rõ ràng. Ví dụ: Hình ảnh trực quan và phân tích màu sắc tạo cơ hội cho HS liên tưởng đến ngôn ngữ hay hình 3D giúp việc học hình học trong môn Toán hoặc môn Công nghệ với quy trình thực hiện hình vẽ,...

¹ Theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực và phẩm chất cấp trung học sơ sở

2.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và đóng góp của môn Mĩ thuật trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh

Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực môn Mĩ thuật được quy định tại Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật năm 2018 (mục IV. 1), theo đó “Chương trình môn Mĩ thuật góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung với các mức độ cụ thể được quy định cho từng cấp học trong Chương trình tổng thể”.

Chương trình môn Mĩ thuật được thực hiện thông qua hoạt động thực hành, trải nghiệm, sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. Đồng thời, quá trình dạy – học kết hợp giữa các hoạt động thảo luận, tìm hiểu, khám phá giá trị thẩm mĩ ở các sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật trong mối liên quan giữa các chủ đề, sự tương tác giữa nghệ thuật với văn hoá xã hội. Qua đó, góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Cụ thể hoá Chương trình tổng thể 2018 nên Chương trình môn Mĩ thuật cũng phải đảm bảo đóng góp vào việc hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Các phẩm chất này được hình thành nhờ vào các mục tiêu cụ thể của bài học, đặc biệt là các thông điệp từ chủ đề dạy học (DH) và quá trình nhận thức đánh giá của HS thông qua các chủ đề. Trên thực tế, nhờ vào khả năng truyền tải thông điệp hình ảnh có tốc độ nhanh và dễ nhớ nên sự đóng góp về nhận thức cho HS cũng dễ hình thành hơn, không chỉ ở cấp tiểu học mà ở mọi cấp học, nhất là hình thành các năng lực nhận thức và thực hành. Dường như các yêu cầu cần đạt cho mục đích bồi dưỡng phẩm chất cho HS của môn Mĩ thuật rất rõ ràng nhưng rất dễ bị bỏ qua nếu thực hiện không tốt các chủ đề DH. Trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018, các thành phần năng lực và mạch nội dung DH được chi tiết hoá trong bảng về năng lực đặc thù đã chứa đựng nội hàm của các yêu cầu và không có mức độ cụ thể hoá riêng nội dung đang bàn ở đây. Nhưng có thể hiểu, kết quả của quá trình DH mà chương trình chứa đựng là sự tổng hợp các kinh nghiệm giáo dục nghệ thuật của một số nước có yếu tố phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Như đã nói, phẩm chất của người Việt Nam vốn đã được xác định rõ ràng trước đây và ngay trong *Năm điều Bác Hồ dạy* – được coi như tư tưởng giáo dục của đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, việc xác định mục tiêu phẩm chất, trách nhiệm như đã nói, là một cách nhấn mạnh giá trị cá nhân đối với cộng đồng như chìa khoá của giá trị xã hội ngày nay.

2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực cấp trung học sơ sở

2.2.1. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn Mĩ thuật trong việc hình thành, phát triển năng lực cho học sinh

Trong Chương trình tổng thể 2018, các năng lực được chi ra cụ thể như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Môn Mĩ thuật có những ưu thế nhất định trong việc góp phần hình thành, phát triển các năng lực chung. Những năng lực chung này không những được hình thành, phát triển thông qua nội dung giáo dục mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức DH với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong các hoạt động thực hành tạo sản phẩm mĩ thuật và thảo luận, tìm hiểu giá trị của các sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật, cũng như tiếp cận khám phá các yếu tố thẩm mĩ cơ bản trong đời sống. Từ các vấn đề nêu trên, có thể xác định cụ thể môn Mĩ thuật góp phần hình thành, phát triển các năng lực chung thông qua các biểu hiện chủ yếu sau đây:

2.2.1.1. Năng lực tự chủ và tự học

Trong môn Mĩ thuật, mức độ tự chủ luôn đậm nét trong mọi hoạt động học. HS chủ yếu hoàn thành sản phẩm của mình theo quy trình sáng tạo của cá nhân. Mỗi sản phẩm/bài học đều bắt đầu từ ý tưởng riêng và cơ bản kết thúc theo mong muốn cá nhân. Hoạt động thực hành và thảo luận là quá trình HS được khám phá, thể hiện bản thân và phát triển nhận thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực học tập và trải nghiệm trạng thái cảm xúc tự thân qua thực tiễn. Quá trình tự học cũng là đặc trưng bắt buộc vì chính HS mới là người đưa ra quyết định giải thích thông điệp của sản phẩm trong trường hợp cần làm sáng tỏ nội dung. Mọi hình ảnh trực quan chỉ là cơ sở và lí do các em vẽ hay nhận thức.

2.2.1.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

DH mĩ thuật là quá trình tự học, tự nhận thức trong khi học cùng bạn học. Mặc dù các ý tưởng và hành động đều mang tính cá nhân nhưng HS sẽ không đạt được kết quả cao nếu học môn Mĩ thuật theo hướng cá nhân. Khi có sự chia sẻ, nhận xét và thảo luận giữa tập thể, nhóm học tập sẽ hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác. Trong Chương trình tổng thể 2018, hình thức DH được xác định thông qua hoạt động DH kết hợp lồng ghép thực hành và thảo luận nghệ thuật, HS được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, nêu và phản hồi ý kiến, nhận xét về sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của cá nhân hay bạn và của các nghệ sĩ, hoạ sĩ; từ đó hình thành và phát triển ở HS năng lực giao tiếp và hợp tác.

2.2.1.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Bản chất của nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng là sáng tạo. Bất cứ sự sao chép, lặp lại nào đều không được coi là tác phẩm nghệ thuật. Từ góc độ vật chất, sản phẩm/tác phẩm mỹ thuật là độc nhất. Từ góc độ tinh thần, sản phẩm/tác phẩm mỹ thuật tạo ra giá trị tinh thần, thông điệp cho người xem, người thưởng thức. Trong quá trình sáng tạo và thưởng thức, cả người tạo ra và người hưởng thụ đều phải sáng tạo, tiếp cận dưới góc độ riêng nên đôi khi một tác phẩm lại được giải nghĩa theo nhiều cách khác nhau.

Với môn Mỹ thuật, vấn đề sáng tạo là đặc trưng quan trọng và là biểu hiện đáng lưu ý nhất khi đánh giá kết quả trong học mỹ thuật. Quá trình thực hành tạo sản phẩm, bài tập chính là quá trình giải quyết, hình tượng hoá các ý tưởng trong đầu thành sản phẩm qua các ngôn ngữ tạo hình. Sự sáng tạo ở đây không chỉ là ý tưởng hay phát minh, sáng kiến mà có ở trong hầu hết các hoạt động. Ví dụ: Khi lựa chọn ngôn ngữ hình trong diễn tả, HS luôn trải nghiệm và đúc kết được sự xuất hiện của nó trên sản phẩm và quyết định sửa chữa, điều chỉnh theo hiểu biết của cá nhân. Thông điệp của hình trên bức tranh thường không phải là phiên bản duy nhất mà liên tục được sáng tạo thêm. Quá trình đó giúp HS luôn phải tư duy và lựa chọn phương cách thực hành hoạt động sáng tạo liên tục. Một hình ảnh được vẽ lên mặt giấy vốn đã là một sáng tạo hình ảnh không lặp lại.

2.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực mỹ thuật lớp 7

2.2.2.1. Quy định chung cho cấp trung học cơ sở trong chương trình môn Mỹ thuật

Với ba nhóm năng lực được chỉ ra trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật năm 2018, giáo viên (GV) sẽ thấy có sáu năng lực tách biệt được hệ thống lại qua bảng dưới đây:

QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC THẨM MỸ

Quan sát thẩm mỹ

- Nhận biết được yếu tố thẩm mỹ trong đời sống.
- Nhận biết được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ.
- Nhận biết được giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật.

QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC THẨM MĨ

Nhận thức thẩm mĩ

- Cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ.
- Nhận biết được ý tưởng thẩm mĩ của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.
- Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong đời sống.
- Biết liên hệ giá trị thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành sáng tạo.

SÁNG TẠO VÀ ỨNG DỤNG THẨM MĨ

Sáng tạo thẩm mĩ

- Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mĩ.
- Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mĩ.
- Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo.
- Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo.

Ứng dụng thẩm mĩ

- Thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo.
- Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mĩ thuật của cá nhân và nhóm học tập.
- Vận dụng được sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THẨM MĨ

Phân tích thẩm mĩ

- Phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mĩ.
- Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật.
- Mô tả, phân tích được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.

Đánh giá thẩm mĩ

- Đánh giá được đối tượng thẩm mĩ thông qua yếu tố và nguyên lí tạo hình.
- Học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mĩ.

2.2.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực môn Mĩ thuật lớp 7

Chương trình môn Mĩ thuật lớp 7 quy định cụ thể nội dung qua mạch Mĩ thuật tạo hình và Mĩ thuật ứng dụng:

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH (chiếm tỉ lệ 50% số tiết trong 35 tiết)	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Xác định được mục đích sáng tạo sản phẩm.- Nhận biết được giá trị thẩm mĩ của một số trường phái nghệ thuật.- Phân biệt được sự mô phỏng lại và lặp lại trên sản phẩm, tác phẩm.- Xây dựng được kế hoạch học tập sát với quá trình thực hành sáng tạo. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Xác định, diễn tả được nguồn sáng và đối tượng được chiếu sáng.- Mô phỏng lại được “mẫu” (đối tượng nghệ thuật) đúng trình tự và phương pháp.- Vận dụng được nhịp điệu của đường nét, hoa văn, họa tiết,... vào sáng tạo sản phẩm.- Vận dụng được giá trị thẩm mĩ của nghệ thuật truyền thống vào thực hành, sáng tạo. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Lựa chọn được hình thức giới thiệu, không gian trưng bày sản phẩm.- Sử dụng được thuật ngữ chuyên môn để mô tả tác phẩm mĩ thuật.- Chỉ ra được vai trò của tác phẩm hội họa, đồ họa trong không gian nội thất.- Phân biệt được một số chất liệu trong hội họa và đồ họa.	<p>Yếu tố và nguyên lí tạo hình:</p> <p>Lựa chọn kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <p><i>Nguyên lí tạo hình:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <p>Thể loại:</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Lí luận và lịch sử mĩ thuật.- Hội họa.- Đồ họa (tranh in).- Điêu khắc. <p>Hoạt động thực hành và thảo luận:</p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 2D.- Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 3D. <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.- Sản phẩm thực hành của HS. <p>Định hướng chủ đề:</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Văn hoá, xã hội.- Nghệ thuật trung đại Việt Nam và thế giới.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG (chiếm tỉ lệ 40% số tiết trong 35 tiết)	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tính chất biểu tượng của logo thương hiệu. – Xác định được phong cách chủ đạo, ngôn ngữ thiết kế sử dụng trong sản phẩm, tác phẩm. – Biết được một số kĩ thuật cơ bản tạo nên sản phẩm. – Biết chọn lọc giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật truyền thống cho ý tưởng thiết kế. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sao chép, mô phỏng và phát triển được sản phẩm dựa theo mẫu có sẵn. – Vận dụng được tính chất lặp lại của hình ảnh, chữ,... vào thiết kế sản phẩm. – Vận dụng được nhịp điệu của hoa văn, họa tiết vào thiết kế sản phẩm. – Cải tiến, tái chế được công cụ, phương tiện và vật liệu. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn thiện được sản phẩm sẵn sàng cho việc trưng bày hoặc triển lãm, bán hàng. – Phân tích được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm. – Hiểu được sự phù hợp của sản phẩm với những đối tượng sử dụng khác nhau. – Phân tích được vai trò của thị hiếu thẩm mỹ với nhu cầu sử dụng sản phẩm thiết kế. 	<p>Yếu tố và nguyên lí tạo hình:</p> <p>Lựa chọn kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <p><i>Nguyên lí tạo hình:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <p>Thể loại:</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lí luận và lịch sử mỹ thuật. – Thiết kế công nghiệp. – Thiết kế đồ hoạ. – Thiết kế thời trang. <p>Hoạt động thực hành và thảo luận:</p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D. <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của HS. <p>Định hướng chủ đề:</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật trung đại Việt Nam và thế giới.

Ngoài ra, tỉ lệ 10% số tiết trong 35 tiết dành cho kiểm tra đánh giá, tương đương khoảng 3,5 tiết cho cả năm học.

2.2.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực mỹ thuật và việc hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật cho học sinh

Năng lực mỹ thuật (thẩm mỹ) được xác định từ các yêu cầu cần đạt cụ thể. Nội dung dưới đây được trích trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018, xác định các biểu hiện năng lực mỹ thuật:

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	Nhận biết được (yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình, đặc điểm,...), đọc được tên (màu sắc, tác giả, sản phẩm, tác phẩm, trường phái,...), liệt kê được (đồ dùng, công cụ, vật liệu, ngành nghề,...), nêu được (yếu tố đặc trưng, ý tưởng, giải pháp,...), xác định được (chủ đề, mục đích, đối tượng,...),...
Hiểu	Trình bày được (cảm nhận, sự liên hệ, quan điểm,...), biểu đạt được (cảm xúc, ý tưởng, nội dung,...), giới thiệu được (tác giả, sản phẩm, tác phẩm,...), tóm tắt được (giá trị nghệ thuật, cuộc đời, sự nghiệp,...), giải thích được (sắp xếp bố cục, tính phổ biến, địa điểm,...), phân tích được (vẻ đẹp, mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng, nhu cầu xã hội,...), phân loại được (thể loại, hình thức), phân biệt được (tranh vẽ, tranh in, một số chất liệu,...), đánh giá được (sản phẩm, hoạt động thực hành, thảo luận, mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng,...), nhận định được (giá trị thẩm mỹ, tiến trình phát triển, sự tác động của internet),...
Vận dụng	Mô phỏng được (đối tượng thẩm mỹ), phác thảo được (ý tưởng), lựa chọn được (công cụ, vật liệu, chất liệu, hình thức thực hành, vị trí trưng bày,...), sử dụng được (vật liệu, công cụ, phương tiện,...), thực hiện được (thao tác, các bước thực hành, phác thảo,...), vận dụng được (yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình, yếu tố văn hoá nghệ thuật, nhịp điệu của hoa văn,...), phối hợp được (kỹ năng, vật liệu, công cụ, phương tiện,...), thể hiện được (ý tưởng, đặc trưng, cấu trúc, mục đích,...), tạo được (sản phẩm, sự hài hoà, hoà sắc,...),...

Ba nhóm năng lực trong chương trình môn học là biểu hiện của các mức độ năng lực dựa theo thang nhận thức của Bloom. Thực chất các năng lực này được chia nhỏ thành sáu năng lực thành phần ứng với thang đo năng lực nhận thức của người học với sáu cấp độ. Điều này giúp GV có thể đặt ra yêu cầu cần đạt ngay trong từng bài dạy, từng chủ đề DH. Mỗi kế hoạch DH/giáo án cụ thể của bài hay chủ đề DH đều dễ dàng bám theo khung năng lực thành phần mà chương trình đề ra. Từng bài dạy, tùy theo chủ đề sẽ được xây dựng theo khung của chương trình môn học để giải quyết yêu cầu sách giáo khoa (SGK) đưa ra. Các tác giả quan niệm, SGK là một gợi ý chứ không nên coi nó là pháp lệnh. Tuy vậy, quý thầy cô nên xem xét và phân tích rõ ý tưởng của cuốn sách và của tác giả trước khi triển khai DH.

Dưới đây là các yêu cầu cần đạt của năng lực mỹ thuật trong chương trình:

2.2.3.1. Quan sát và nhận thức thẩm mỹ

Quan sát là cách để HS khám phá, tìm hiểu, thu nhận thông tin và gọi lên sự tò mò về những gì HS nhìn thấy/quan sát xung quanh. Quá trình quan sát đối tượng theo gợi ý và định hướng phương pháp sẽ phát triển nhận thức giác quan và cảm nhận thẩm mỹ, thúc đẩy HS phát hiện và hình thành ý tưởng ban đầu cho thực hành, sáng tạo. Quan sát giúp thị giác được phát triển và hình thành quy luật nhận thức cho con người. Trong quan sát và nhận thức thẩm mỹ, HS cần đạt được các yêu cầu chủ yếu sau:

- Nhận biết được vẻ đẹp của đối tượng quan sát cũng như trong đời sống, cảm nhận được vẻ đẹp tạo hình của đối tượng thẩm mỹ;
- Nhận biết được giá trị thẩm mỹ của đối tượng quan sát;
- Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật;
- Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm trong đời sống;
- Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành, sáng tạo.

2.2.3.2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ

Quá trình sáng tạo là để tạo ra cái mới trên sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật hoặc tự mình phát hiện ra cái mới của đối tượng quan sát. Đây là một yêu cầu trọng yếu của hoạt động học và thực hành mỹ thuật. Trong SGK, nhóm tác giả chú trọng đến các bước tìm ý tưởng và cho rằng, việc HS thực hành mỹ thuật trên cơ sở có suy nghĩ, tư duy về ý tưởng cụ thể là cách giúp HS chủ động trong hoạt động sáng tạo, hạn chế sự sao chép, bắt chước vốn rất dễ xảy ra trong quá trình học mỹ thuật. GV nên triển khai kỹ các bước tìm ý tưởng dựa trên SGK và gợi ý của tác giả ở các bài

cụ thể. Cần xác định rằng, việc HS nêu được ý tưởng riêng không chỉ góp phần tạo ra sản phẩm hoàn toàn mới mà còn giúp HS rèn luyện khả năng thuyết trình, hùng biện, sẵn sàng chia sẻ để có cơ hội học tập lẫn nhau.

Ứng dụng được hiểu là sử dụng sản phẩm và kiến thức mới vào trong đời sống thực tiễn, cũng là quá trình tiêu thụ sản phẩm sáng tạo. Nhóm tác giả luôn cho rằng có hai mảng ứng dụng cần được lưu ý: Một là, ứng dụng những hiểu biết có được từ bài học vào học tập và cuộc sống; Hai là, đưa được các sản phẩm đã sáng tạo vào ứng dụng trong cuộc sống.

Hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ là cơ hội để HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ, tư duy tưởng tượng của bản thân thông qua thực hành tạo ra hình ảnh về đối tượng thẩm mỹ. Hay nói cách khác, hoạt động này giúp HS thể hiện bản thân, giao tiếp với người khác, tiếp nhận sự biểu đạt của người khác; đồng thời, thể hiện nhận thức thẩm mỹ và thử nghiệm ý tưởng, đổi mới trong thực hành, sáng tạo.

Trong hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, HS cần đạt được các yêu cầu cần đạt chủ yếu sau:

- Có được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ trong quá trình học tập;
- Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo để thể hiện ý tưởng đã có;
- Vận dụng được yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo;
- Vận dụng được yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống vào thực hành, sáng tạo;
- Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ, thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo;
- Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập;
- Sử dụng được sản phẩm sáng tạo của bản thân hoặc của người khác để phục vụ cho học tập và đời sống.

2.2.3.3. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ

Hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mỹ thực chất là cách giúp HS bước đầu thực hành lí luận mỹ thuật ở mức độ đơn giản và tăng dần theo các lớp. Quá trình này có thể đánh giá việc HS sử dụng ngôn ngữ mỹ thuật có hiệu quả không; HS có sử dụng được các thuật ngữ đơn giản để giới thiệu, thảo luận, chia sẻ cảm nhận, trình bày ý kiến, quan điểm về sản phẩm, tác phẩm và những gì nhìn thấy, cũng như kinh nghiệm thực hành. Kết quả của quá trình phân tích và đánh giá thẩm mỹ sẽ giúp HS đi từ hiểu biết đến tôn trọng và tự hào về sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật và biết tự đánh giá quá trình học tập.

Trong phân tích và đánh giá thẩm mỹ, GV cần giúp HS: biết phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ; biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật. Quá trình phân tích phải mô tả, phân tích được các ngôn ngữ tạo hình, từng yếu tố, nguyên lý tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật đã được sử dụng trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.

Trong tiến trình giáo dục, các thành phần năng lực trên luôn song hành cùng nhau và lồng ghép vào nhau một cách biện chứng. Các năng lực được hình thành trong quá trình học tập nhằm vào hình thành, phát triển ở HS năng lực mỹ thuật. Tuy nhiên, tùy theo mục tiêu, nội dung và hoạt động DH cụ thể mà mỗi thành phần năng lực được hình thành và phát triển ở các mức độ khác nhau.

II. MẠCH NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 7, BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

SGK Mỹ thuật 7, bộ sách Cánh Diều được biên soạn đồng đẳng, cơ bản dựa trên sự tiếp nối khung của lớp 6. Chúng tôi đặt mục tiêu giúp GV và HS dễ dàng triển khai DH sau khi đã tiếp cận ở lớp 6. Dựa trên mạch nội dung DH được quy định trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018, sách lưu ý đến kế thừa những ưu điểm của SGK cũ, đảm bảo triển khai kiến thức mỹ thuật như là nền tảng quan trọng. Cách chia bài dạng phân môn đã không còn tồn tại, song mạch nội dung mỹ thuật thì vẫn được áp dụng linh hoạt chủ yếu theo hướng tích hợp. Một số bài được biên soạn độc lập để đảm bảo nội dung học tập có chiều sâu, đáp ứng sự hình thành năng lực thẩm mỹ như chương trình quy định. Nội dung dưới đây được tổng hợp cô đọng, giúp GV dễ dàng đối chiếu cả cấp học, đặc biệt là lớp 7.

1. Yếu tố và nguyên lý tạo hình

Thành phần	Nội dung
Yếu tố	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.
Nguyên lý	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.
Hoạt động	– 2D, 3D, tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của HS.

2. Mạch nội dung/thể loại loại hình mỹ thuật

Mạch nội dung/ thể loại	Lớp 1 – 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Lí luận và lịch sử mỹ thuật	+	+	+	+	+
Hội họa	×	×	×	×	×
Đồ họa (tranh in)	×	×	×	×	×
Điều khắc	×	×	×	×	×
Thủ công	×				
Thiết kế công nghiệp		×	×	×	×
Thiết kế đồ họa		×	×	×	×
Thiết kế thời trang		×	×	×	×
Hướng nghiệp				×	×

Mạch nội dung DH của tiểu học và trung học cơ sở có sự khác biệt. Tiểu học đã kết thúc thể loại thủ công, thay vào đó, ở trung học cơ sở xuất hiện ba thể loại mới và nội dung hướng nghiệp (giáo dục nghề nghiệp). Có thể cụ thể hoá mạch nội dung như sau:

Mạch nội dung/ thể loại	Định hướng nội dung dạy học/chủ đề
Lí luận và lịch sử mỹ thuật	Các thành tựu, di sản mỹ thuật của nhân loại thuộc thời kì trung đại; niên đại từ khoảng sau thế kỉ III Trước Công nguyên (TCN) đến trước nghệ thuật Ấn tượng, riêng Việt Nam tính đến trước năm 1925.
Hội họa	Vẽ cơ bản, vẽ tĩnh vật, vẽ tranh đề tài, vẽ phong cảnh, vẽ chân dung,...
Tranh in	In lá cây, in âm bản, dương bản khắc, in ghép khuôn, in độc bản,...
Điều khắc	Nặn, khắc đục hình từ khối cơ bản, tạo hình 3D, tạo hình tái chế, khối gấp giấy, điêu khắc ngoài trời,...
Thiết kế công nghiệp	Tạo dáng sản phẩm, gấp hộp; ghép hình,...
Thiết kế đồ họa	Sáng tạo họa tiết; trang trí cơ bản trên sản phẩm, trang trí đồ vật, chữ, tạo hình icon, logo; bố cục hình, nghệ thuật chữ, thiết kế lịch.

Mạch nội dung/ thể loại	Định hướng nội dung dạy học/chủ đề
Thiết kế thời trang	Vẽ thiết kế trên giấy, phối màu (trên giấy và trên sản phẩm); thời trang tái chế; thời trang cho con vật; sáng tạo phụ kiện thời trang.

3. Bảng tỉ lệ phân phối mạch nội dung dạy học

Thể loại	Nội dung	Phân phối theo các khối lớp			
		6	7	8	9
Mĩ thuật tạo hình	<ul style="list-style-type: none"> - Lí luận và lịch sử mỹ thuật. - Hội họa. - Đồ họa (tranh in). - Điêu khắc. 	50% = 17,5 tiết	50% = 17,5 tiết	40% = 14 tiết	40% = 14 tiết
Mĩ thuật ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Lí luận và lịch sử mỹ thuật. - Thiết kế công nghiệp. - Thiết kế đồ họa. - Thiết kế thời trang. 	40% = 14 tiết	40% = 14 tiết	40% = 14 tiết	40% = 14 tiết
Hướng nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng. - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật ứng dụng. 			10% = 3,5 tiết	10% = 3,5 tiết

4. Phạm vi chủ đề

Phạm vi chủ đề DH dành cho các khối lớp được quy định rõ ràng. Điểm đặc biệt là cách phân chia chủ đề mỹ thuật theo hướng phân kì lịch sử nghệ thuật. Việc này đảm bảo rằng các vấn đề lịch sử mỹ thuật được đưa vào nội dung giáo dục theo hướng tuyến tính. Với lớp 7, ngoài chủ đề văn hoá, xã hội, chủ đề mỹ thuật được quy định trong giai đoạn Nghệ thuật trung đại Việt Nam và nghệ thuật trung đại thế giới. Giai đoạn này được tính từ khoảng sau thế kỉ III TCN cho đến trước giai đoạn nghệ thuật Ấn tượng ở thế giới. Riêng ở Việt Nam, vào cuối giai đoạn trung đại thường gắn với tên gọi mỹ thuật truyền thống. Dấu mốc lịch sử mỹ thuật được tính đến trước khi thành lập Trường Mỹ thuật Đông Dương (1925). Sau khi có Trường Mỹ thuật Đông Dương, mỹ thuật Việt Nam được tính vào thời kì hiện đại.

Đối với SGK Mỹ thuật 7, bộ sách Cánh Diều, các tác giả đã tuân thủ quy định để đảm bảo các dữ liệu DH có tính liên thông cả cấp học trên căn cứ một ma trận mạch lạc. Như vậy, khi triển khai các bài dạy, GV cũng lưu ý khai thác nội dung sao cho đúng với tinh thần này.

Bảng phân phối phạm vi chủ đề theo các khối lớp			
6	7	8	9
– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật tiền sử và cổ đại Việt Nam, thế giới.	– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật trung đại Việt Nam và thế giới.	– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật hiện đại Việt Nam và thế giới.	– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật đương đại Việt Nam và thế giới.

III. THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU, HỌC LIỆU DẠY HỌC

1. Thiết bị dạy học

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định các thiết bị DH cơ bản dùng chung cần được trang bị. Nhà trường, GV kĩ thuật cần lưu ý bảng danh mục thiết bị để chuẩn bị đầy đủ. Riêng với SGK Mĩ thuật 7, bộ sách Cánh Diều, chúng tôi có những thiết bị và học liệu bổ sung được giới thiệu khi cung cấp sách cho các địa phương. Các thiết bị bao gồm mẫu vẽ, giá vẽ tiêu chuẩn, bục mẫu vẽ, giá để đồ hoạ phẩm, các loại tranh, ảnh phiên bản tác phẩm theo phạm vi quy định cho lớp 7. Do không gian thiết kế hạn chế, nhiều hình ảnh cần cho bài học chưa có trong SGK sẽ được bổ sung trong sách giáo viên (SGV). Tranh, ảnh chủ yếu là các công trình kĩ thuật tiêu biểu cho các thời kì lịch sử kĩ thuật.

Đối với các vật liệu dùng trong học tập của HS, SGK định hướng các vật liệu đại diện, dễ tìm kiếm. Ví dụ: Có thể sử dụng giấy vụn thay cho đất nặn hoặc cù, quả sắn có ở các vùng miền. GV có thể lựa chọn sử dụng linh hoạt vật liệu sẵn có ở địa phương, không yêu cầu bắt buộc theo SGK; đồng thời hướng dẫn HS chọn vật liệu đa dạng ở địa phương để thực hành bài tập.

2. Tài liệu, học liệu dạy học

SGK Mĩ thuật 7, bộ sách Cánh Diều có đầy đủ các tài liệu và học liệu bao gồm:

– SGK Mĩ thuật 7: mỗi cuốn SGK đều có mã code để truy cập tài liệu điện tử. GV, phụ huynh HS, có thể quét mã để sử dụng kho tài liệu cấp miễn phí online.

– Mĩ thuật 7 – SGV là bản quý thầy cô đang cầm trên tay với các nội dung thiết thực.

– Vở thực hành Mĩ thuật 7 dành cho HS với các nội dung hỗ trợ, mở rộng phần Luyện tập trong SGK.

– Tài liệu bồi dưỡng GV để thực hiện hỗ trợ GV sử dụng SGK và cách triển khai DH.

– Các bài giảng mẫu, hướng dẫn thực hành mẫu và gợi ý giáo án theo quy chuẩn khoa học giáo dục và cụ thể hoá các quy định hiện hành.

PHẦN 2

GỢI Ý PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC PHÙ HỢP

Đối với DH định hướng phát triển năng lực, việc áp dụng các phương pháp DH tích cực cũng như các kỹ thuật DH hiện đại được ưu tiên hơn so với các phương pháp, kỹ thuật DH truyền thống. Tuy nhiên, quá trình áp dụng phương pháp và kỹ thuật DH mới quyết định đến chất lượng giờ dạy. GV có thể kết hợp các phương pháp và kỹ thuật DH sao cho phù hợp với thực tiễn giờ dạy, với mục tiêu đặt ra, với không gian học tập,...

Về cơ bản, SGK Mĩ thuật 7 được thiết kế gồm các hoạt động mang tính lồng ghép, tích hợp giữa lí thuyết với thực hành, giữa kiến thức và kỹ năng kĩ thuật cũng như giữa các kiến thức tích hợp liên môn. Vì vậy, GV đã được gợi ý ngay trong cấu trúc của SGK. Trong quá trình triển khai tập huấn GV, các tác giả cũng cung cấp cho GV cốt cán nhiều hướng lựa chọn phương pháp và kỹ thuật DH. Trong khuôn khổ Chương trình môn Mĩ thuật lớp 7, các phương pháp mà chúng tôi đề xuất sử dụng ưu tiên hơn bao gồm:

1. Nhóm phương pháp dạy học

1.1. Dạy học trực quan

DH trực quan là cách thức GV sử dụng những phương tiện trực quan làm công cụ hỗ trợ HS hình thành năng lực và phẩm chất. Phương tiện trực quan là tất cả những phương tiện được sử dụng vào trong quá trình DH giúp chuyển biến nội dung hình thành mục tiêu DH.

1.2. Dạy học thực hành

DH thực hành là phương pháp DH dựa vào sự quan sát và tự lực thực nghiệm của HS dưới sự hướng dẫn của GV, được thể hiện bằng lời nói, câu hỏi, bài tập thực hành, thao tác nhằm giúp cho HS hiểu rõ và vận dụng kiến thức lí thuyết để hình thành và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp.

1.3. Dạy học hợp tác

DH hợp tác là DH trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do GV đặt ra. Từ đó, giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân. HS không chỉ có trách nhiệm về việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn trong nhóm. DH hợp tác được

sử dụng để hướng dẫn HS tìm hiểu một chủ đề, bài học mới, thực hành và luyện tập ở trong lớp, tổ chức những hoạt động học tập cần có sự tham gia đóng góp trí tuệ và công sức của nhiều người học, từ đó tạo ra được sản phẩm học tập chung của nhóm. Ở mức độ cao hơn, GV có thể đề ra những nhiệm vụ tìm hiểu chuyên sâu cho các nhóm HS hoàn toàn độc lập xử lý các lĩnh vực đề tài và trình bày kết quả làm việc.

1.4. Dạy học khám phá

DH khám phá là cách thức tổ chức DH, trong đó HS tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới trong chương trình môn học thông qua các hoạt động dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV.

Để áp dụng được phương pháp DH khám phá, HS phải có những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ học tập mang tính khám phá. Do vậy, GV phải nắm bắt được khả năng của HS, biết lựa chọn những vấn đề phù hợp, vừa sức với trình độ HS. Khi thiết kế mỗi hoạt động, nhiệm vụ học tập cho HS, ngoài các tư liệu hỗ trợ học tập, GV cần chuẩn bị các câu hỏi mang tính định hướng, gợi mở từng bước giúp HS tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động. Sự hướng dẫn của GV cho mỗi hoạt động phải ở mức cần thiết, vừa đủ, đảm bảo HS hiểu được chính xác các em phải làm gì trong mỗi hoạt động khám phá. Việc tổ chức quá trình khám phá kiến thức mới cho HS chiếm khá nhiều thời gian DH nên GV cần căn cứ vào mục tiêu, nội dung và thời lượng chủ đề DH và sự đáp ứng của phương pháp khám phá mà áp dụng cho phù hợp.

2. Nhóm kỹ thuật dạy học phù hợp với môn Mĩ thuật

Có nhiều kỹ thuật DH khác nhau và mức độ áp dụng cho các phương pháp DH cũng khác nhau. Dưới đây là một số kỹ thuật DH chúng tôi đề xuất GV sử dụng cho môn Mĩ thuật.

2.1. Kỹ thuật phòng tranh

Đây là cách thức tổ chức hoạt động học tập trong đó các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS được trưng bày như một phòng triển lãm tranh. Khái niệm “tranh” ở đây có thể được hiểu là sản phẩm học tập trực quan của HS. HS đi chuyên, quan sát các sản phẩm của HS khác, đặt câu hỏi và nêu ra nhận xét hoặc ý kiến góp ý. Sau đó, GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm.

Cách tiến hành:

– GV giao nhiệm vụ học tập cho cá nhân hoặc nhóm. Có thể thiết kế nhiều nhiệm vụ khác nhau đủ cho các nhóm hoặc có thể lặp lại các nhiệm vụ ở các nhóm khác nhau.

– HS thực hiện nhiệm vụ và trưng bày các sản phẩm học tập như một phòng triển lãm tranh.

– HS di chuyển xung quanh lớp học tham quan phòng tranh. Trong quá trình “xem triển lãm”, HS đưa ra các ý kiến phản hồi hoặc bổ sung cho các sản phẩm.

– HS quay trở lại vị trí ban đầu, tổng hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm.

Đánh giá:

GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân hoặc nhóm.

2.2. Kỹ thuật động não (công não)

Kỹ thuật động não là kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề mà các thành viên cùng thống nhất trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra “con lóc” các ý tưởng).

Quy tắc của động não: không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên; liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày; khuyến khích số lượng các ý tưởng; cho phép sự tương tượng và liên tưởng.

Cách tiến hành:

– Người điều phối dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề.

– Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình. Trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét các ý kiến. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau.

– Kết thúc việc đưa ra ý kiến.

Đánh giá:

– Lựa chọn sơ bộ các suy nghĩ, chẳng hạn theo khả năng ứng dụng: Có thể ứng dụng trực tiếp/Có thể ứng dụng nhưng cần nghiên cứu thêm/Không có khả năng ứng dụng.

– Đánh giá những ý kiến lựa chọn.

– Rút ra kết luận hành động.

2.3. Kỹ thuật “Sơ đồ tư duy”

Sơ đồ tư duy là kỹ thuật giúp ta trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề dưới dạng sơ đồ. Sơ đồ tư duy có thể được viết trên giấy, trên bảng hay thực hiện trên máy tính.

Cách tiến hành:

– Viết tên chủ đề ở trung tâm hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.

– Từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề, viết bằng CHỮ IN HOA. Nhánh và chữ viết trên đó được vẽ và viết cùng một màu. Nhánh chính đó được nối với chủ đề trung tâm. Chỉ sử dụng các thuật ngữ quan trọng để viết trên các nhánh.

– Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường.

– Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

Đánh giá:

GV đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân hoặc nhóm.

2.4. Kỹ thuật “Các mảnh ghép”

“Các mảnh ghép” là hình thức học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm:

– Giải quyết một nhiệm vụ phức hợp (có nhiều chủ đề).

– Kích thích sự tham gia tích cực của HS.

– Nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (không chỉ hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 1 mà còn phải truyền đạt lại kết quả Vòng 1 và hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 2).

Cách tiến hành:

Vòng 1: Nhóm chuyên gia

– Hoạt động theo nhóm từ 3 – 8 HS. Số nhóm được chia = số chủ đề \times n ($n = 1, 2, \dots$).

– Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ. Ví dụ: nhóm 1: nhiệm vụ A; nhóm 2: nhiệm vụ B, nhóm 3: nhiệm vụ C, ... (có thể có nhóm cùng nhiệm vụ).

– Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình.

– Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo từng thành viên trong mỗi nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành “chuyên gia” của lĩnh vực đã tìm hiểu; đồng thời có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở Vòng 2.

Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép

– Hình thành nhóm từ 3 – 6 HS mới. Ví dụ: 1 – 2 HS từ nhóm 1, 1 – 2 HS từ nhóm 2, 1 – 2 HS từ nhóm 3, ...

– Các câu trả lời và thông tin của Vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.

– Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở Vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ tiếp tục được giao cho các nhóm để giải quyết.

– Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ, trình bày và chia sẻ kết quả.

Đánh giá:

GV đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân hoặc nhóm.

2.5. Kỹ thuật “Khăn trải bàn”

Kỹ thuật “khăn trải bàn” là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực của HS.
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS.
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS.

Cách tiến hành:

- Hoạt động theo nhóm (tối thiểu 4 HS/nhóm).
- Mỗi HS ngồi vào vị trí của mình theo hướng dẫn của GV.
- Tập trung vào câu hỏi hoặc chủ đề,...
- Viết câu trả lời hoặc ý kiến của bạn về chủ đề vào ô mang số của bạn,...

Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút.

– Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời.

- Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tám khăn trải bàn (giấy A0).

Đánh giá:

GV đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân hoặc nhóm.

II. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu, yêu cầu của kiểm tra, đánh giá

1.1. Mục tiêu

Mục tiêu của đánh giá kết quả giáo dục môn Mĩ thuật là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của từng HS; giúp HS tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và tự điều chỉnh hoạt động học tập; giúp GV biết được những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có hướng dẫn kịp thời cho HS và điều chỉnh kế hoạch, hoạt động DH một cách phù hợp; giúp nhà quản lý hiểu rõ chất lượng giáo dục, làm căn cứ để có những điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục; giúp phụ huynh HS hiểu rõ những tiến bộ của con và có những biện pháp phối hợp giáo dục với nhà trường. Đối tượng được đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS.

1.2. Yêu cầu

– Phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt đối với mỗi lớp học, cấp học; coi trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng của HS trong học tập và những tình huống khác nhau.

– Đánh giá phẩm chất của HS trong giáo dục mỹ thuật chủ yếu bằng hình thức định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời về thái độ, tình cảm, hành vi ứng xử của HS khi tham gia các hoạt động mỹ thuật.

– Đánh giá năng lực đặc thù của môn học chủ yếu bằng hình thức định lượng, thông qua đánh giá các thành phần của năng lực thẩm mỹ; chú ý đánh giá vì sự tiến bộ của HS.

– HS cần được biết thời gian, nội dung, cách thức kiểm tra, đánh giá để có thể chủ động thực hiện, tham gia đánh giá và tự đánh giá, giúp HS phát triển học tập thông qua đánh giá.

2. Hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá

2.1. Hình thức đánh giá

– Đánh giá chẩn đoán: được sử dụng vào thời điểm bắt đầu một giai đoạn DH, nhằm giúp GV thu thập những thông tin về kiến thức, kỹ năng mỹ thuật, những điểm mạnh và nhu cầu của từng HS, từ đó xây dựng kế hoạch và phương pháp giáo dục thích hợp.

– Đánh giá định tính và đánh giá định lượng: đánh giá định tính được thực hiện chủ yếu ở cấp tiểu học; đánh giá định lượng được sử dụng chủ yếu ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, bảo đảm phân hoá dần ở các lớp học trên.

– Đánh giá kết quả học tập của HS bao gồm: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Trong đó, coi trọng kết hợp hài hoà giữa đánh giá thường xuyên (quá trình) và đánh giá tổng kết (định kì). Cụ thể:

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện trong toàn bộ tiến trình DH và tích hợp trong các hoạt động DH; đánh giá tổng kết được thực hiện ở thời điểm gần hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối năm học, cuối cấp học). Thực hiện đánh giá thường xuyên cần căn cứ vào hoạt động học tập của HS, như: chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,... học tập; trả lời câu hỏi; phát biểu ý kiến, thảo luận, chia sẻ; thuyết trình, bài viết, kết quả thực hành; thực hiện trưng bày, tham gia nhận xét, đánh giá,... trong quá trình học tập. Đánh giá thường xuyên có sự tham gia của các chủ thể khác nhau: GV đánh giá HS, HS đánh giá đồng đẳng, HS tự đánh giá.

+ Đánh giá định kì (giữa kì 1, cuối kì 1, giữa kì 2, cuối kì 2) căn cứ vào các sản phẩm thực hành, kết quả dự án học tập, video/clip, bài tự luận,... của HS.

2.2. Phương pháp, công cụ đánh giá

Sử dụng một số phương pháp đặc trưng trong DH mỹ thuật, như: quan sát, hỏi đáp, tự luận, sản phẩm học tập,...; kết hợp sử dụng các công cụ đánh giá như: phiếu đánh giá theo tiêu chí, bảng kiểm, phiếu hỏi/phiếu bài tập, phiếu quan sát,... bảo đảm sự phù hợp, độ tin cậy, tính toàn diện, khách quan, chính xác và phân hoá trong đánh giá.

3. Kiểm tra, đánh giá về phẩm chất

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã nhấn mạnh việc phát triển năm phẩm chất cho HS bao gồm: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực. Các phẩm chất đó là những đức tính thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của HS; cùng với năng lực tạo nên nhân cách cho HS. Biểu hiện của các phẩm chất được thể hiện qua môn Mĩ thuật như sau:

Phẩm chất	Biểu hiện trong môn Mĩ thuật
Yêu nước	Yêu thiên nhiên, yêu con người, có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và không gian văn hoá, thẩm mỹ; bồi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hoá, nghệ thuật dân tộc.
Nhân ái	Yêu cái đẹp, trân trọng các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật và sự sáng tạo của nghệ sĩ; yêu cái thiện; tôn trọng sự khác biệt giữa con người; ghét cái xấu, cái ác; cảm thông với những người bị bệnh, tật,...; sẵn sàng học hỏi, hoà nhập và giúp đỡ mọi người, ý thức tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc.
Chăm chỉ	Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chăm làm, nhiệt tình tham gia các công việc trong lớp, trường, gia đình, cộng đồng, có ý thức vượt khó trong công việc.
Trung thực	Thật thà, ngay thẳng trong học tập; tôn trọng lẽ phải; lên án sự gian lận trong thi cử, thu thập, xử lí thông tin,...
Trách nhiệm	Có ý thức bảo vệ bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, môi trường, thiên nhiên; bảo quản các đồ dùng, công cụ, thiết bị DH, không đổ lỗi cho người khác; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, lớp,...

Đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất: Từ yêu cầu cần đạt được nêu cụ thể trong mỗi bài học, GV xác định những phẩm chất cần hình thành, phát triển cho HS. Dựa trên quá trình học tập, thực hành, trải nghiệm của HS, GV sẽ đánh giá: ý thức, sự chăm chỉ trong học tập, tìm hiểu các giá trị thẩm mỹ trong đời sống và nghệ thuật; tình yêu thương giữa con người, niềm tự hào về truyền thống

văn hoá nghệ thuật dân tộc, ý thức gìn giữ, phát huy những giá trị nghệ thuật thông qua biểu hiện thái độ, hành xử chia sẻ cảm nhận, ý tưởng trong việc ứng xử trước đối tượng thẩm mỹ và môi trường xung quanh; thể hiện tinh thần trách nhiệm, tính trung thực trong học tập, hợp tác và hiện thực hoá ý tưởng sáng tạo mang lại những giá trị thẩm mỹ cho bản thân và cộng đồng của HS.

Đánh giá phẩm chất trong DH môn Mĩ thuật có thể sử dụng các phương pháp đánh giá như: phương pháp quan sát (quan sát hành vi, thái độ của HS với thiên nhiên, môi trường sống, tác phẩm nghệ thuật, không gian văn hoá,...); phương pháp vấn đáp (hỏi HS về cách thức tự học, giao tiếp, hợp tác,...); các công cụ như: câu hỏi, bảng kiểm, bảng hỏi,...), phương pháp kiểm tra viết (trả lời câu hỏi, bài tập,...).

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với một số phẩm chất, có thể lập bảng đánh giá theo tiêu chí để đánh giá kết quả hình thành, phát triển một số phẩm chất chủ yếu thông qua DH môn Mĩ thuật. Ví dụ: Đánh giá phẩm chất trách nhiệm thông qua các biểu hiện của HS trong học tập môn Mĩ thuật.

Tiêu chí	Mức độ	Chưa đạt	Đạt
Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ.			
Có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lí đồ dùng học tập của bản thân.			
Không đổ lỗi cho người khác; có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình gây ra.			
Quan tâm đến các công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng; tôn trọng và thực hiện nội quy chung.			
Không đồng tình với những hành vi không phù hợp với nếp sống văn hoá và quy định ở nơi công cộng.			
Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên; tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.			

4. Kiểm tra, đánh giá về năng lực

4.1. Năng lực chung

Biểu hiện cụ thể các năng lực chung được mô tả theo bảng sau:

Nhóm năng lực	Chỉ báo/biểu hiện của năng lực
Tự chủ và tự học	Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân, biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác; tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề.
Giao tiếp và hợp tác	Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới.
Giải quyết vấn đề và hợp tác	Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn; biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

Các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) được hình thành, phát triển thông qua các hoạt động học tập; tùy theo đặc điểm, tính chất của mỗi dạng bài/chủ đề DH sẽ góp phần phát triển năng lực chung theo các biểu hiện cụ thể khác nhau. GV có thể đánh giá năng lực chung của HS trong nhiều hoạt động đa dạng như: học tập, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo,... Chú trọng đánh giá sự tham gia tích cực, chủ động của HS trong các hoạt động mỹ thuật. Đánh giá trong DH mỹ thuật cần khích lệ HS duy trì hứng thú học tập để HS sẵn sàng cho việc thực hành, sáng tạo và thảo luận nghệ thuật. Có thể sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá trong DH mỹ thuật để kiểm tra, đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác. Thông qua các nhiệm vụ, bài tập, câu hỏi,... kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật, HS được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ về tác giả, nghệ sĩ, về tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật; giới thiệu kết quả học tập, thực hành của cá nhân, thực hành nhóm; bày tỏ cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm về thẩm mỹ,... tạo nên kết quả học tập của nhóm dựa trên những cách thức hợp tác khác nhau. GV có thể thiết kế các nhiệm vụ, bài tập phù hợp để đánh giá hoạt động nhóm qua đó phát triển năng lực giao tiếp hợp tác, sử dụng các phương pháp quan sát, phương pháp hỏi – đáp,... trong DH mỹ thuật để khích lệ HS tự tin đưa ra các ý kiến, hợp tác với bạn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

Giải quyết vấn đề và sáng tạo là đặc trưng trong học tập mỹ thuật. Thông qua các bài tập, các sản phẩm thực hành giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của bản thân để tìm hiểu, khám phá và thực hành, trải nghiệm, phát hiện yếu tố thẩm mỹ trong nghệ thuật và đời sống; khích lệ HS đề xuất vấn đề, ý tưởng thẩm mỹ và lựa chọn giải pháp thể hiện; khuyến khích HS tiếp tục đổi mới

trong tiến trình học tập trên cơ sở nhận thức và tư duy phản biện thẩm mỹ, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở HS.

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với một số năng lực chung, có thể lập bảng đánh giá theo tiêu chí để đánh giá kết quả hình thành, phát triển một số năng lực chung thông qua DH môn Mĩ thuật. Ví dụ: Định hướng đánh giá năng lực tự chủ và tự học thông qua DH môn Mĩ thuật:

Tiêu chí	Mức độ	Chưa đạt	Đạt
Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.			
Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập.			
Biết kiên trì thực hiện kế hoạch học tập, lao động.			
Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới.			
Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện.			
Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp.			
Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được GV, bạn góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập.			

4.2. Năng lực mĩ thuật

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 xác định những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định gồm: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất. Năng lực thẩm mỹ¹ là năng lực mĩ thuật đã được nêu ở Phần 1. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá, GV có thể dùng những động từ nêu ở trang 11 SGK hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương phù hợp với tình huống sự phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HS.

¹ Xem lại mục 2, phần 1, mục I (trang 7 –14 SGK).

Đánh giá năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Dựa trên hoạt động quan sát đối tượng thẩm mỹ và thảo luận là chủ yếu, trong đó, chú ý đến đánh giá khả năng nhận biết, cảm thụ và thu nhận thông tin ở đối tượng thẩm mỹ (đọc, hiểu thông tin, giá trị đối tượng quan sát), khả năng phản ứng, giao tiếp, phát biểu, thảo luận trong quan sát, tiếp nhận thông tin, hình thành nhận thức, khả năng liên hệ với thực hành, sáng tạo, thể hiện thái độ với hiện tượng, sự việc, vấn đề,... trong nghệ thuật và thực tiễn đời sống.

Đánh giá năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Dựa trên sản phẩm mỹ thuật và quá trình thực hành, sáng tạo và thảo luận là chủ yếu. Trong đó chú ý đến đánh giá sự chia sẻ, đề xuất ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ; khả năng thực hành, sáng tạo (sử dụng công cụ, phương tiện, đồ dùng, hình thức thực hành,...), phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề và hiện thực hoá ý tưởng, tạo sản phẩm mỹ thuật; khả năng làm việc độc lập và hợp tác, phát hiện vấn đề và giải quyết; khả năng vận dụng sản phẩm vào học tập và đời sống thực tiễn; khả năng trao đổi, thảo luận, chia sẻ thông tin, phân tích, đánh giá, phản biện thẩm mỹ trong quá trình thực hành, sáng tạo và liên hệ vận dụng thực tiễn.

Đánh giá năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Dựa trên kết quả thực hành, sáng tạo và quan sát, khám phá các sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật kết hợp với thảo luận, phân tích, đánh giá là chủ yếu. Theo đó, đánh giá cần chú ý đến sự cảm nhận, chia sẻ, phân tích, phản biện về đối tượng thẩm mỹ; khả năng tiếp cận sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật để khám phá, tìm hiểu, tiếp nhận thông tin, giá trị thẩm mỹ và liên hệ vận dụng thực tiễn dựa trên những kiến thức, kĩ năng mỹ thuật, kết hợp với kiến thức, kĩ năng của một số môn học, hoạt động khác; thể hiện sự học hỏi kinh nghiệm, sự hiện thực hoá ý tưởng và phát hiện vấn đề khi đánh giá đối tượng thẩm mỹ trong nghệ thuật và thực tiễn đời sống.

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với một số năng lực đặc thù, có thể lập bảng đánh giá theo tiêu chí để đánh giá kết quả hình thành, phát triển một số năng lực đặc thù thông qua DH môn Mĩ thuật. Ví dụ: Đánh giá năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ thông qua các biểu hiện của HS trong học tập môn Mĩ thuật.

Các mức độ đánh giá dựa trên thang nhận thức Bloom, áp dụng cho tất cả các nội dung DH được thể hiện trong từng bài học. GV có thể thấy rõ trong *Vở thực hành Mĩ thuật 7*, ba tiêu chí đã được thiết kế khoa học ở trang đầu tiên của mỗi bài sẽ đánh giá mức độ nhận thức/đạt được của HS. Đối với bài tập thực hành, GV cần lưu ý đến đánh giá quá trình thực hiện bài tập, không nên chỉ đánh giá trên kết quả sản phẩm. Việc HS tự đánh giá cũng là điều cần làm để đạt được mục tiêu giáo dục hiện hành.

Việc xây dựng tiêu chí đánh giá định kì (giữa kì 1, cuối kì 1, giữa kì 2, cuối kì 2) cần dựa vào mức độ đánh giá (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) tương ứng với mỗi mạch nội dung (mĩ thuật tạo hình, mĩ thuật ứng dụng) để lựa chọn làm tiêu chí đánh giá ở mỗi lớp và đảm bảo được một số yêu cầu sau:

– Các mức độ đánh giá được lựa chọn làm tiêu chí đánh giá là những yêu cầu cần đạt (còn gọi là chuẩn) có vai trò quan trọng ở mỗi mạch nội dung của mỗi lớp trong chương trình. Đó thường là chuẩn làm cơ sở để hiểu/thực hiện được các chuẩn khác.

– Mỗi mức độ đánh giá (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) cần có ít nhất một tiêu chí được lựa chọn làm tiêu chí đánh giá. Nếu cần nhiều hơn một tiêu chí ở một mức độ đánh giá thì nên cân nhắc lựa chọn mức độ “Vận dụng”. Chú ý việc lựa chọn, sắp xếp các tiêu chí để phù hợp với hướng dẫn đánh giá (đạt, chưa đạt) đồng thời lưu ý đến tính phân hoá trong kiểm tra, đánh giá ở mỗi thời điểm cụ thể.

– Các mức độ đánh giá được lựa chọn để làm tiêu chí kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với mục đích kiểm tra (củng cố kiến thức, kĩ năng, phát triển tư duy độc lập, khả năng hợp tác và phản biện, thuyết trình, tự luận,...); phù hợp với đặc trưng của môn học là chú trọng thực hành, tạo sản phẩm (cá nhân/nhóm, dự án học tập,...) kết hợp trao đổi, chia sẻ, nhận xét.

– Một yêu cầu cần đạt có thể được sử dụng để làm tiêu chí đánh giá tại các thời điểm kiểm tra trong năm học hoặc tại một thời điểm kiểm tra, nhưng cần chú ý đến tính linh hoạt trong trình bày nội dung của yêu cầu cần đạt/tiêu chí đó, để vừa bảo đảm được nội dung cần đánh giá, vừa phù hợp với thời điểm kiểm tra cụ thể.

PHẦN 3

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 7

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Đối với SGK Mĩ thuật 7, bộ sách Cánh Diều, hầu hết các bài học được thiết kế để dạy trong 2 tiết:

Tiết 1, thiên về lí thuyết, nhận định, tìm ý tưởng và tìm hiểu phương pháp thực hành. Đây là cách triển khai thực hiện thông điệp ***Mang cuộc sống vào bài học*** của bộ sách Cánh Diều. Tiết 1 nên dừng khi kết thúc phần hướng dẫn thực hành và chuẩn bị vật liệu, hoạ phẩm.

Tiết 2, HS sẽ thực hiện bài tập sáng tạo sản phẩm/tác phẩm trên lớp là chủ yếu. Đây là cách thực hiện hoá thông điệp ***Đưa bài học vào cuộc sống*** của bộ sách. Cách thiết kế này giúp GV chủ động hướng dẫn HS chuẩn bị các đồ dùng và vật liệu (tùy đặc trưng vùng miền hoặc dự án do GV đề ra) giúp cho tiết 2 hiệu quả hơn. Riêng Bài 6 và Bài 15, GV sẽ dành thêm thời gian cho phần Khám phá để truyền tải tốt hơn nội dung bài do phạm vi rộng.

Phân phối kế hoạch trong SGK Mĩ thuật 7 là một ma trận có sự liên kết ở cả cấp học, được phát triển đồng thời cả đồng tâm và tuyến tính. Chủ đề đầu tiên là *Tự hào Việt Nam* giúp HS biết tự hào về giá trị của đất nước; biết ơn, yêu mến, kính trọng những hi sinh, đóng góp của cô, chú bộ đội ngày đêm bảo vệ Tổ quốc. Chủ đề *Khám phá nguyên lí tạo hình* giúp HS tìm hiểu về các yếu tố hình, khối có trong cuộc sống và nguyên lí nhịp điệu trong trang trí. Chủ đề *Di sản mĩ thuật* được liên kết xuyên suốt với mĩ thuật thời kì trung đại (được quy định trong chương trình môn học), ứng dụng các sản phẩm vào đời sống với cách trang trí khăn băng hoạ tiết kỉ hà hay trang trí mặt nạ phục vụ cho sự kiện Tết Trung thu. Là chủ đề ở đầu kì 2 – thời điểm chuẩn bị năm mới và diễn ra các lễ hội dân gian nên những bài học trong chủ đề *Động vật quanh em* gắn liền với những con vật tượng trưng cho các năm, biểu tượng văn hoá nghệ thuật của người Việt Nam. Qua đó, HS hiểu về giá trị văn hoá dân tộc và biết thể hiện tình cảm yêu quý đối với con vật, hướng về vấn đề toàn cầu, nâng cao ý thức bảo vệ các loài động vật,... Chủ đề *Kết nối nghệ thuật* kết nối thiên nhiên và con người, kết nối các ý tưởng nghệ thuật. Chủ đề *Em làm nhà thiết kế* hướng đến mục tiêu khơi gợi tinh thần sáng tạo và sự tự tin ở HS, chuẩn bị cho giai đoạn giới thiệu nghề nghiệp liên quan đến mĩ thuật ở lớp 8.

Về tổng thể, cấu trúc một bài học được thống nhất ở toàn bộ cuốn sách, thống nhất với SGK Mĩ thuật 6. Nội dung SGK Mĩ thuật 7 đáp ứng yêu cầu mở rộng về thẩm mĩ của lứa tuổi, không cao siêu, hình thức. Những hình ảnh minh họa trong SGK chủ yếu là hình được vẽ, sáng tạo bởi HS cùng lứa tuổi, vì vậy GV có thể khuyến khích HS sáng tạo ở mức cao hơn, đẹp hơn (đối với các HS có năng khiếu).

Khi triển khai các bài dạy, GV có thể tự quyết định hình thức, nội dung, chất liệu, vật liệu, sản phẩm theo thực tiễn địa phương, miễn sao vẫn đảm bảo được yêu cầu cần đạt của bài. Tuy vậy, GV nên kiểm soát được mạch nội dung để tránh bị trùng lặp ở các bài, sẽ gây mất hứng thú của HS.

Với SGK Mĩ thuật 7, nhóm tác giả xin lưu ý một số điểm sau:

Nội dung sách luôn bám sát nội dung yêu cầu cần đạt của các bài. Mỗi yêu cầu cần đạt đều được cân nhắc để thực hiện trong bài dạy, tránh để nội dung DH vượt ra ngoài làm ảnh hưởng đến thời gian thực hiện.

Mục *Khám phá* của SGK Mĩ thuật 7, bộ sách Cánh Diều luôn có yếu tố tích hợp lịch sử mĩ thuật trung đại. Ví dụ: Bài 1 có tranh chân dung Nguyễn Trãi – một trong số những bức tranh chân dung đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu sự ra đời của thể loại tranh chân dung. Nội dung thuộc kiến thức hiểu biết mới liên quan đến bài học từ cuộc sống đến nghệ thuật. Đây là mục có nhiều dữ liệu nhằm cung cấp, gợi mở cho HS. Tiêu mục *Em có biết* được thiết kế bắt mắt, thực chất nhằm mục đích cung cấp kiến thức được đơn giản hoá để HS không bị áp lực.

Mục *Sáng tạo* được chia thành 4 tiêu mục (*Tìm ý tưởng*, *Thực hành*, *Gợi ý* và *Luyện tập*). Nhóm tác giả chú trọng đến mục *Tìm ý tưởng* và coi đây là cách thức hướng HS vào suy nghĩ có chủ đích, giúp HS nói lên suy nghĩ của mình trước khi thực hành luyện tập. Về *Thực hành*, sách vẫn giữ chủ trương giới thiệu hai cách khác nhau để HS tham gia vào sáng tạo có lựa chọn, tránh dập khuôn, dễ dàng hơn cho việc lựa chọn hoạ phẩm, vật liệu. Ý đồ chính là mỗi cách sẽ hợp với hoạ phẩm khô (sáp màu, phấn màu, chì màu,...), hoạ phẩm ướt (màu nước, màu gouache, màu dầu,...) nhưng không áp đặt (các chi tiết được gợi ý cho GV trong SGK). Phần này được thiết kế khác giữa bài về mĩ thuật tạo hình (bài học cần tính mới và tính sáng tạo tuyệt đối) và mĩ thuật ứng dụng (bài học có tính thực hành kĩ thuật). Ví dụ: Với bài dạy vẽ tranh, chúng tôi đưa ra những cách khác nhau để thực hành; với bài thuộc mạch nội dung thiết kế, chúng tôi đưa ra mô phỏng gợi ý để HS hình thành ý tưởng sáng tạo; *Gợi ý* là mục hướng dẫn cách làm hay mẹo nhỏ cho HS như

cung cấp kỹ năng nên được thiết kế để tránh gò bó, áp đặt tư duy và kỹ thuật. *Luyện tập* là phần quan trọng và đặc trưng của môn Mỹ thuật. Nội dung *Thực hành, Luyện tập* được xây dựng để HS tạo ra sản phẩm mới nên được thiết kế với thời lượng dành cho tiết thứ hai trong ngày sau khi HS được tìm hiểu các thông tin từ đời sống, tự nhiên và trong mỹ thuật. Đây là hình thức giao bài tập/luyện tập kết hợp giữa kỹ năng thực hành và thuyết trình về sản phẩm.

Nội dung *Sáng tạo* gồm ba bước:

– Bước 1, tổ chức cho HS tư duy tìm ý tưởng cho sản phẩm sáng tạo. Đây là bước rất quan trọng trong DH mỹ thuật. Mỗi sản phẩm cần được tạo ra từ ý tưởng ban đầu.

– Bước 2, tổ chức cho HS tìm hiểu và tập thực hiện quy trình thực hành nhưng không lấy sản phẩm này để thay thế bài tập sáng tạo.

– Bước 3, tổ chức hướng dẫn cho HS thực hành bài tập trên lớp dựa theo quy trình đã học (ở tiết trước). Đây là hoạt động tạo ra sản phẩm sáng tạo, là bài tập để đánh giá/chấm điểm học tập của HS.

Mục *Thảo luận* để HS trưng bày và giới thiệu, nói lên điều đã biết, đã làm. GV cần đảm bảo HS có thể phát triển tư duy phản biện, làm việc nhóm và thuyết trình nêu quan điểm cá nhân. Hoạt động thảo luận là hoạt động cần thiết để hình thành năng lực thuyết trình, phản biện, năng lực giao tiếp và hợp tác. Vì vậy, ở mỗi bài, GV nên chọn HS khác nhau để đảm bảo HS nào cũng có cơ hội thực hiện.

Mục *Ứng dụng* với mục tiêu đưa bài học vào cuộc sống, vừa gợi ý vừa yêu cầu HS sử dụng hiểu biết và ứng dụng sản phẩm vào thực tiễn. Nội dung gợi ý các dạng sản phẩm hoặc đề xuất cách ứng dụng sản phẩm vào cuộc sống.

Khi triển khai hoạt động ứng dụng, GV cần phải chú ý tới hai vấn đề sau:

– Gợi ý HS ứng dụng kiến thức hiểu biết từ bài học vào cuộc sống. Ví dụ: hiểu biết về cảnh đẹp quê hương có thể dẫn đến hành động bảo vệ truyền thống, môi trường, góp phần phát triển phẩm chất cho HS hoặc sử dụng quy trình thực hành sản phẩm này sẽ sáng tạo các sản phẩm khác.

– Gợi ý HS biết cách sử dụng sản phẩm đã tạo ra để làm đẹp cho cuộc sống, đưa sản phẩm vào thực tiễn, làm quà tặng, làm đồ chơi,...

II. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 7

CHỦ ĐỀ: TỰ HÀO VIỆT NAM

Bài 1

CHÂN DUNG BỘ ĐỘI (2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

Năng lực mỹ thuật

– Trình bày được tỉ lệ các bộ phận trên khuôn mặt người và vai trò của nét được sử dụng trong một số sản phẩm, tác phẩm.

– Nêu được ý tưởng và cách vẽ chân dung bộ đội; vẽ được tranh chân dung bộ đội theo ý thích thể hiện được trạng thái cảm xúc, đặc điểm của khuôn mặt.

– Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật.

Các năng lực khác

Bài học góp phần hình thành và phát triển năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) thông qua các biểu hiện sau:

– Suu tầm tranh, ảnh về chân dung bộ đội.

– Chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; trao đổi, thảo luận về nội dung, ý tưởng để vẽ tranh chân dung bộ đội; cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, hoạ phẩm để thực hành tạo sản phẩm.

2. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng ở HS một số phẩm chất như:

– Yêu nước: Biết ơn, kính trọng người có công với quê hương, đất nước.

– Chăm chỉ: Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập, tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, thực hành.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: SGK Mỹ thuật 7, Mỹ thuật 7 – SGK; tranh, ảnh chân dung bộ đội, tranh vẽ của HS về chân dung bộ đội, tranh chân dung thời kì trung đại,...

2. Học sinh: SGK Mỹ thuật 7, Vở thực hành Mỹ thuật 7; màu vẽ, giấy, bút chì,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu (khoảng 5 phút)

a. Mục tiêu

HS kể được tên quân chủng và hoạt động của các chú (cô) bộ đội mà em biết, liên hệ với bài học.

b. Tổ chức thực hiện

– GV giao HS nhiệm vụ xem video/clip ngắn về một số quân chủng, hoạt động của các chú (cô) bộ đội và cho biết:

+ Em biết những quân chủng nào xuất hiện trong video/clip?

+ Tên một số hoạt động của các chú (cô) bộ đội xuất hiện trong video/clip.

– HS quan sát video/clip thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy. GV quan sát, điều hành.

– GV tổ chức báo cáo, chọn từ 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV kết luận: Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay gồm các quân chủng: quân chủng Lục quân, quân chủng Hải quân và quân chủng Phòng không – Không quân. Các chú (cô) bộ đội đã và đang tham gia nhiều hoạt động: chiến đấu, phục vụ nhân dân và sản xuất,... để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Để thể hiện tình cảm với các chú (cô) bộ đội, bài học này sẽ hướng dẫn các em cách vẽ chân dung các chú (cô) bộ đội. Đồng thời, giúp các em hiểu được tỉ lệ các bộ phận trên khuôn mặt người và vai trò của nét được sử dụng trong một số sản phẩm, tác phẩm.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Khám phá (khoảng 25 phút)

a. Mục tiêu

Nêu được màu sắc, đường nét, hình dáng biểu cảm khuôn mặt trong một số sản phẩm, tác phẩm chân dung. Trình bày được tỉ lệ các bộ phận trên khuôn mặt người và vai trò của nét được sử dụng trong một số sản phẩm, tác phẩm tranh chân dung bộ đội.

b. Tổ chức thực hiện

– GV giao HS nhiệm vụ quan sát các bức tranh chân dung ở trang 3 SGK và cho biết:

+ Màu sắc, đường nét được thể hiện trong tranh.

+ Đặc điểm hình dáng, biểu cảm của khuôn mặt trong tranh.

+ Cảm nhận về nét được sử dụng trong các bức tranh.

Lưu ý: GV có thể giao nhiệm vụ cho cá nhân/nhóm HS.

– HS quan sát tranh, thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành.

– GV tổ chức báo cáo, chọn từ 2 – 3 HS hoặc từ 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV kết luận: Tranh chân dung thường vẽ từ đỉnh đầu đến giữa ngực, tập trung vào khuôn mặt là chính, cũng có tranh chân dung bán thân hoặc toàn thân.

– GV hướng dẫn HS quan sát tỉ lệ và các nét biểu cảm trên khuôn mặt (trang 4 SGK) và kết luận: Theo chiều dài của đầu, vị trí lông mày của trẻ em ở khoảng giữa chiều dài của đầu, vị trí mắt của người lớn ở giữa chiều dài của đầu. Khoảng cách giữa hai mắt và chiều dài con mắt bằng khoảng $1/5$ chiều rộng khuôn mặt. Khi vui, buồn, tức giận,... các đường nét trên khuôn mặt đặc biệt là mắt, lông mày, miệng sẽ thay đổi.

– Gọi ý phân tích một số tác phẩm, sản phẩm tranh chân dung:

Chân dung Nguyễn Trãi

Bức tranh được vẽ bằng màu nước trên lụa tơ tằm mịn, dài 151 cm, rộng 92 cm. Theo hồ sơ lưu lại, đây là bức tranh vẽ khi Nguyễn Trãi 60 tuổi (năm 1439) và được lưu giữ trong gia tộc ở thôn Nhi Khê, xã Quốc Tuấn, huyện Thường Tín, quận Hà Đông, Hà Nội. Tranh do người cháu đời thứ 17 của Nguyễn Trãi tặng Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam vào tháng 12 năm 1959. Tranh vẽ chân dung Nguyễn Trãi thể hiện nét mặt hiền từ, đôi mắt sáng tinh anh, ngồi trên ngai, đôi mũ cánh chuồn màu đen, mặc áo màu xanh có trang trí hai rồng chầu Mặt Trời với mây, tứ linh xung quanh, cổ, ngực và vạt tay áo màu cánh sen. Ngai màu nâu được trang trí hoa bốn cánh, tay ngai thể hiện cách điệu hình rồng quay ra ngoài, chân quý.

Bức tranh chân dung Nguyễn Trãi là một tác phẩm nghệ thuật có giá trị về ý nghĩa lịch sử và văn hoá, là nguồn tư liệu quý về một danh nhân văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới. Ông là tấm gương mà muôn đời sau các thế hệ con cháu vẫn luôn tự hào và noi theo.

Chân dung cô bộ đội – Tranh của học sinh Nguyễn Tuấn Anh

Đây là chân dung cô bộ đội được vẽ ở góc nghiêng bằng chất liệu chì màu. Tranh không chỉ tập trung miêu tả khuôn mặt mà còn thể hiện hình dáng của cô bộ đội đang khoác súng trên vai. Khuôn mặt tươi sáng, đường nét sinh động gợi vẻ đẹp duyên dáng, đầy sức sống của tuổi trẻ. Hoà sắc xanh trên trang phục cùng không gian cây xanh phía sau tạo sự gần gũi, gần bó giữa con người và thiên nhiên. Bố cục tranh cân đối, tập trung mô tả khuôn mặt, trang phục, hình dáng của nhân vật. Bức tranh thể hiện tình cảm yêu mến với những người lính đã và đang ngày đêm chiến đấu và xây dựng bảo vệ Tổ quốc.

Chân dung chú bộ đội hải quân – Tranh của học sinh Nguyễn Thuỳ Linh

Đây là chân dung chú bộ đội hải quân được vẽ chính diện bằng chất liệu màu sáp. Tranh tập trung miêu tả khuôn mặt và trang phục điển hình của bộ đội hải quân. Khuôn mặt chú bộ đội rắn rỏi, với nước da nâu, đôi mắt cương nghị được thể hiện thông qua đường nét chắc khoẻ trong tranh. Màu xanh da trời kết hợp với màu trắng và vàng đã tạo không khí gần gũi, ấm áp, gợi không gian bình yên ở miền biển. Bố cục tranh cân đối, tập trung mô tả khuôn mặt và quân phục; màu sắc tranh hài hoà, tươi sáng. Bức tranh thể hiện chân dung đẹp về người lính hải quân đang ngày đêm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo quê hương.

Chân dung cô bộ đội – Tranh của học sinh Nguyễn Tường Vy

Đây là chân dung cô bộ đội được vẽ bằng chất liệu sáp màu. Cô bộ đội đội chiếc mũ tai bèo, khuôn mặt trái xoan, vui tươi đang mỉm cười, mắt to, mũi nhỏ, tóc tết hai bên xinh xắn. Nhân vật mặc trang phục màu xanh theo quân phục bộ đội. Bố cục tranh cân đối, tập trung mô tả khuôn mặt, trang phục của cô bộ đội. Các nét cong mềm mại kết hợp với các đường thẳng cùng màu sắc tranh hài hoà, tươi sáng thể hiện vẻ đẹp trẻ trung, khoẻ khoắn của nữ quân nhân.

2.2. Tìm ý tưởng và thực hành sáng tạo sản phẩm (khoảng 15 phút)

a. Mục tiêu

HS trình bày được ý tưởng cho bài vẽ tranh chân dung bộ đội, nắm được cách vẽ tranh chân dung bộ đội.

b. Tổ chức thực hiện

– GV giao HS nhiệm vụ quan sát các bước tìm ý tưởng sáng tạo ở trang 4 SGK và trình bày ý tưởng về tranh vẽ chân dung bộ đội.

– HS tìm ý tưởng vẽ tranh chân dung: xác định đối tượng vẽ chân dung (chú (cô) bộ đội); chọn đặc điểm điển hình của nhân vật để thể hiện; xác định phương pháp thực hành. GV quan sát, điều hành.

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận, kết luận:

+ Chọn từ 3 – 4 HS trình bày ý tưởng về vẽ tranh chân dung bộ đội, các HS khác nhận xét, bổ sung, chia sẻ các ý kiến của mình.

+ Cho HS thảo luận, chia sẻ về cách thực hành vẽ tranh chân dung với các chất liệu khác nhau.

– GV kết luận: Tùy theo hiểu biết, sở thích, cảm xúc mà HS có thể vẽ tranh chân dung cô hoặc chú bộ đội ở các quân chủng hoặc binh chủng khác nhau. Trước khi vẽ, cần xác định được đặc điểm điển hình của nhân vật trên khuôn mặt, trang phục để thể hiện cho phù hợp với đối tượng; đồng thời xác định được phương pháp thực hành để lựa chọn cách vẽ cho hợp lí.

– GV hướng dẫn HS cách vẽ tranh chân dung bộ đội.

Cách 1: Vẽ nét (cách vẽ này sử dụng các chất liệu màu sáp, chì màu,...)

+ *Bước 1:* Tìm bố cục và vẽ phác hình dáng chính của nhân vật (khuôn mặt, trang phục,...) cân đối trên khổ giấy.

+ *Bước 2:* Vẽ các chi tiết. Chú ý những đặc điểm riêng của nhân vật (mắt, tóc, trang phục,...), sự cân đối về tỉ lệ các bộ phận trên cơ thể.

+ *Bước 3:* Vẽ màu và hoàn thiện. Có thể thêm một vài chi tiết cần thiết để hoàn thiện tranh. Chú ý màu sắc hài hoà thể hiện được tính cách, cảm xúc của nhân vật.



1



2



3

Cách 2: Vẽ mảng màu (cách vẽ này áp dụng với chất liệu màu bột, màu acrylic,...)

+ *Bước 1:* Vẽ mảng màu lớn từ một hoặc nhiều màu.

+ *Bước 2:* Dùng bút màu vẽ tiếp các hình, mảng tạo hình ảnh cho nhân vật và khuôn mặt, đầu tóc, quần áo và vẽ màu.

+ *Bước 3:* Vẽ thêm các chi tiết để làm rõ đặc điểm của nhân vật, hoàn thiện sản phẩm.



1



2



3

– GV cho HS quan sát thêm một số bức tranh vẽ chân dung bộ đội do GV chuẩn bị trước (cả tranh đẹp và chưa đẹp), phân tích để HS hiểu thêm về bố cục tranh, cách sử dụng màu sắc, chi tiết trang trí trên tranh.

Hoạt động 3. Luyện tập (khoảng 40 phút)

a. Mục tiêu

HS vẽ được bức tranh chân dung bộ đội; trưng bày, giới thiệu, nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình, của bạn.

b. Tổ chức thực hiện

– GV giao HS nhiệm vụ vẽ một bức tranh chân dung bộ đội.

Yêu cầu: Khai thác được đặc điểm của khuôn mặt; thể hiện được trạng thái cảm xúc trên khuôn mặt. HS vẽ tranh trên giấy A4 hoặc Vở thực hành.

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HS.
- GV tổ chức báo cáo, thảo luận, kết luận: yêu cầu HS thông báo mức độ hoàn thành sản phẩm của mình tại chỗ.
- GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm và gợi ý HS chia sẻ về sản phẩm:
 - + Bố cục, đường nét, màu sắc được thể hiện trong tranh.
 - + Đặc điểm, trạng thái cảm xúc của nhân vật trong tranh.
 - + Em thích tranh nào nhất? Vì sao?
 - + Em hãy kể một câu chuyện về các chú (cô) bộ đội mà em biết.
- GV cho từ 5 – 6 HS chia sẻ về sản phẩm, sau đó hướng dẫn HS khác cùng thảo luận, nhận xét, đánh giá sản phẩm tranh vẽ của lớp.
- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm và phần chia sẻ của HS. Thông qua sản phẩm, giáo dục HS luôn biết ơn, kính trọng những người lính đã và đang ngày đêm chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hoạt động 4. Ứng dụng (khoảng 5 phút)

a. Mục tiêu

HS ứng dụng được kiến thức, sản phẩm của bài học vào cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện

- GV giao HS nhiệm vụ chia sẻ, ứng dụng: “Qua bài học, em có thể vận dụng kiến thức vẽ tranh chân dung để sáng tạo thêm những sản phẩm nào?”, “Sản phẩm tranh chân dung có thể được sử dụng như thế nào trong cuộc sống?”,...
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, điều hành.
- GV tổ chức báo cáo: cho từ 1 – 2 HS trình bày, các HS khác bổ sung.
- GV nhận xét, kết luận:
 - + HS có thể áp dụng kiến thức của bài học để vẽ tranh chân dung thầy cô, bạn bè, người thân hoặc người nổi tiếng mà em yêu mến.
 - + Tranh chân dung có thể dùng để trang trí không gian sinh hoạt hay là một món quà tặng ý nghĩa.
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu và chuẩn bị trước vật liệu, dụng cụ cho bài học tiếp theo.

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7 **Cánh Diều**

1. Ngữ văn 7 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 7 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 7
4. Lịch sử và Địa lí 7
5. Khoa học tự nhiên 7
6. Công nghệ 7
7. Tin học 7
8. Giáo dục thể chất 7
9. Âm nhạc 7
10. Mĩ thuật 7
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
12. Tiếng Anh 7 Explore English

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 7 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC

○
SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập
website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com

ISBN:978-604-54-9948-1



9 786045 499481